

Số: **695**/LĐTBXH-ATLD

V/v Điều chỉnh một số chức danh  
nghề, công việc nặng nhọc, độc hại,  
nguy hiểm.

Hà Nội, ngày **14** tháng **03** năm 2011

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam

Trả lời công văn số 3157/CNT-LĐTL ngày 18 tháng 10 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam về việc ghi tại trích yếu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng đã xếp và trả lương nhưng ghi sai trong sổ bảo hiểm xã hội. Danh mục điều chỉnh tên nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đính kèm theo công văn này.

2. Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng thực hiện theo đúng Danh mục đã được điều chỉnh theo công văn này, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thành viên khi ghi sổ bảo hiểm xã hội cần ghi đúng chức danh nghề như Danh mục trong các Quyết định đã được Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. /./

**Nơi nhận:**

- Như trên (03 bản);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (02 bản);
- Sở LĐTBXH tp Hải Phòng;
- Bảo hiểm xã hội tp Hải Phòng;
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Lao động – Tiền lương;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Hồng Lĩnh**

# PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

VÀ ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Kèm theo công văn số 695 /LĐTBXH-ATLĐ ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Tên nghề, công việc ghi trong sổ BHXH	Lương theo Nghị định 26/CP ngày 23/5/1993	Lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004	Tên được công nhận của các nghề, công việc nêu tại cột a	Quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH có quy định nghề, công việc được công nhận tại cột c
	a	b	c	d	e
1	Đúc giăng cao su	A.2 nhóm III	A1.9.2 nhóm III	Ép suất thành hình các sản phẩm cao su	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
2	Thợ gò nóng	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Gò nóng tôn dày từ 4mm trở lên	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
3	Thợ cạo ri; Thợ cạo ri tàu; Thợ cạo ri tàu thủy; Thợ cạo ri vỏ tàu; Thợ cạo ri vỏ tàu thủy; Thợ gõ ri; Thợ gõ ri tàu thủy	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Gõ ri các phương tiện vận tải thủy	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
4	Thợ cắt hơi	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Hàn điện, hàn hơi	Quyết định số 1629/LĐTBXH-

6

					QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
5	Thợ mạ điện	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Mạ niken, crôm	Quyết số 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (Điều kiện lao động loại IV)
6	Thợ nấu rót; Thợ nấu thép	A.2 nhóm III	A.1.9.1 nhóm III	Nấu rót kim loại	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại V)
7	Thợ phun cát	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Phun cát tây ri vỏ tàu thủy	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại V)
8	Thợ sơn; Thợ sơn tàu	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Sơn vỏ phương tiện thủy	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
9	Nguội hệ trục; Thợ máy; Thợ máy dầu; Thợ máy tàu; Thợ máy tàu thủy; Thợ nguội máy; Thợ sửa chữa máy tàu thủy	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Sửa chữa máy tàu sông (ở âu, đả)	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
10	Thợ điện; Thợ điện tàu; Thợ điện tàu thủy;	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện, đường ống trong hầm tàu thủy	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)



h

	Thợ lắp ráp ống tàu; Thợ lắp ráp ống tàu thủy; Thợ ống; Thợ ống hầm tàu thủy; Thợ ống tàu; Thợ ống tàu thủy				
11	Thợ xây lò đúc; Xây lò Phân xưởng đúc	A.2 nhóm II	A.1.9.1 nhóm II	Phá, đâm tường, xây lò luyện thép	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại V)
12	Thợ tạo hình; Thợ làm khuôn đúc	A.2 nhóm III	A.1.9.1 nhóm III	Pha trộn cát, đất set để làm khuôn đúc	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
13	Thợ dũi	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Tây bavia bằng hơi ép	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại V)
14	Thợ điện; Thợ máy; Thủy thủ	A.1 nhóm III	B2.1.1.2	Thủy thủ, thuyền viên, thợ máy tàu lai dắt	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/07/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
15	Công nhân lái cầu; Lái cần trục-PX triển đà; Lái cầu phân xưởng triển đà; Lái	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Vận hành cầu trục chân đế ở cảng	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)

	cầu PX triển đà; Thợ lái cần trục; Thợ lái cầu				
16	Thợ điện; Thợ điện phân xưởng Triển đà	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Làm việc trên đòc nổi	Quyết số 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (Điều kiện lao động loại V)
17	Lái cầu điện; Thợ cầu điện – phân xưởng đúc; Thợ lái cầu	A.1 nhó III	A.1.6 nhóm III	Lái cầu trục trong phân xưởng đúc cơ khí	Quyết định số 1629/LĐTBXH- QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
18	Thợ lắp ráp	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Thợ lắp vỏ tàu	Thông tư số 19-LĐTBXH-TT ngày 31/12/1990 (áp dụng từ năm 1990 trở về trước. Điều kiện lao động loại IV)
19	Vệ sinh công nghiệp; Vệ sinh công nghiệp TT; Vệ sinh sản phẩm	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm I	Vệ sinh công nghiệp nhà máy cơ khí	Quyết số 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (Điều kiện lao động loại IV)